

Số: 4389 /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả kỳ thi tuyển công chức
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Quyết định số 2516/QĐ-BVHTTDL ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng công chức Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3181/QĐ-BVHTTDL ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2025;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2025 và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả kỳ thi tuyển công chức Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2025 (danh sách thí sinh trúng tuyển và danh sách thí sinh không trúng tuyển kèm theo).

Điều 2. Giao Vụ Tổ chức cán bộ thông báo công nhận kết quả trúng tuyển và tiến hành các thủ tục tuyển dụng công chức trúng tuyển theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Thành viên HĐ tuyển dụng CC (để biết);
- Các cơ quan có thí sinh dự thi;
- Lưu: VT, TCCB, LHP.30.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Lê Hải Bình

DANH SÁCH

THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	VỤ KẾ HOẠCH, TÀI CHÍNH:														
I	Chuyên viên về tài chính (quản lý về kiểm tra quyết toán): 01 chỉ tiêu														
1	VH001	Phạm Ngọc Hoàng	Linh	11/8/1998		Lào Cai	Chuyên viên về tài chính (quản lý về kiểm tra quyết toán)		Dân tộc Tày	Lĩnh vực kế hoạch, tài chính	35/60	55	5	60	
II	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư (theo đối hợp tác kinh tế quốc tế và báo chí truyền thông): 01 chỉ tiêu														
1	VH002	Nguyễn Hồng	Đăng	16/9/1993		Hà Nội	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư (theo đối hợp tác kinh tế quốc tế và báo chí truyền thông)			Lĩnh vực kế hoạch, tài chính	42/60	68	-	68	
	VỤ PHÁP CHẾ:														
	Chuyên viên về pháp chế: 03 chỉ tiêu														
1	VH063	Phan Thị Thanh	An		15/5/2002	Hưng Yên	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	39/60	68	-	68	
2	VH093	Trương Đình	Lộc	18/9/1998		Ninh Bình	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	38/60	69	-	69	
3	VH117	Vũ Hồng	Tâm		09/9/2003	Thanh Hóa	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	42/60	78	-	78	
	VĂN PHÒNG BỘ:														
I	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính: 01 chỉ tiêu														
1	VH246	Dương Đình	Thảo	25/10/1987		Thanh Hóa	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính			Lĩnh vực cải cách hành chính	51/60	60	-	60	
II	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị: 02 chỉ tiêu														
1	VH295	Nguyễn Thùy	Nhung		03/11/2002	Hà Nội	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	44/60	68	-	68	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	VH297	Dương Minh	Phuong	22/7/1994		Thái Nguyên	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	50/60	53	-	53	
III	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành, Phòng Tổng hợp, Tuyên truyền: 01 chỉ tiêu														
1	VH309	Dương Minh	Đức	30/01/1999		Hà Nội	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành, Phòng Tổng hợp, Tuyên truyền			Lĩnh vực văn phòng	35/60	79	-	79	
	CỤC DI SẢN VĂN HÓA:														
	Chuyên viên về hợp tác quốc tế, Văn phòng: 01 chỉ tiêu														
1	VH014	Nguyễn Thanh	Ngân		25/9/2001	Phủ Thọ	Chuyên viên về hợp tác quốc tế, Văn phòng			Lĩnh vực hợp tác quốc tế	41/60	58	-	58	
	CỤC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN:														
I	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn) Phòng nghệ thuật: 01 chỉ tiêu														
1	VH396	Nguyễn Thị Minh	Anh		09/4/2001	Hà Nội	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng nghệ thuật			Lĩnh vực văn hóa	39/60	81	-	81	
II	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng Văn học: 01 chỉ tiêu														
1	VH407	Nguyễn Thị	Giang		12/7/1980	Thanh Hóa	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng Văn học			Lĩnh vực văn hóa	36/60	55	-	55	
	CỤC ĐIỆN ẢNH:														
	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (lĩnh vực điện ảnh), Văn phòng: 01 chỉ tiêu														
1	VH412	Nguyễn Đình	Quang	14/5/2002		Hà Nội	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (lĩnh vực điện ảnh), Văn phòng			Lĩnh vực văn hóa	45/60	51	-	51	
	CỤC THỂ DỤC THỂ THAO VIỆT NAM:														
I	Chuyên viên về quản lý thể dục thể thao cho mọi người, Phòng Thể dục thể thao cho mọi người: 02 chỉ tiêu														
1	VH233	Nguyễn Ngọc Tường	Linh		19/9/1998	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thể dục thể thao cho mọi người, Phòng Thể dục thể thao cho mọi người			Lĩnh vực thể dục, thể thao	45/60	79	-	79	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	VH234	Nguyễn Trọng	Nam	15/8/1997		Bắc Ninh	Chuyên viên về quản lý thể dục thể thao cho mọi người, Phòng Thể dục thể thao cho mọi người			Lĩnh vực thể dục, thể thao	47/60	62	-	62	
II	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục cải cách hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao), Văn phòng: 02 chỉ tiêu														
1	VH254	Xa Hà Huy	Chiến	14/10/2003		Phủ Thọ	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục cải cách hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao), Văn phòng		Dân tộc Mường	Lĩnh vực cải cách hành chính	40/60	53	5	58	
2	VH259	Ngô Thị Thùy	Linh		08/8/1998	Bắc Ninh	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục cải cách hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	48/60	54	-	54	
III	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục hành chính trong đầu tư kinh doanh), Văn phòng: 01 chỉ tiêu														
1	VH267	Dương Nguyễn Hà	Anh		04/5/1996	Hà Tĩnh	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục hành chính trong đầu tư kinh doanh), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	41/60	67	-	67	
IV	Chuyên viên về tổ chức bộ máy, Phòng Tổ chức cán bộ: 01 chỉ tiêu														
1	VH235	Hoàng Quang	Minh	13/9/1997		Hà Nội	Chuyên viên về tổ chức bộ máy, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực tổ chức bộ máy	35/60	51,5	-	51,5	
	CỤC VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM:														
I	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Văn phòng: 01 chỉ tiêu														
1	VH332	Phạm Quang	Huy	17/9/1999		Ninh Bình	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	38/60	79	-	79	
II	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ: 01 chỉ tiêu														
1	VH048	Lê Thu	Huyền		23/10/1998	Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	33/60	80,5	-	80,5	
III	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Bảo tồn Văn hóa dân tộc: 01 chỉ tiêu														
1	VH419	Trần Dương	Hòa	29/12/1999		Thành phố Huế	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Bảo tồn Văn hóa dân tộc			Lĩnh vực văn hóa	35/60	72	-	72	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
IV	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Nghiệp vụ Văn hóa dân tộc: 01 chỉ tiêu														
1	VH431	Trần Triệu	Minh	05/01/2002		Hà Nội	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Nghiệp vụ Văn hóa dân tộc			Lĩnh vực văn hóa	38/60	70	-	70	
V	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư, Phòng Kế hoạch, Tài chính: 01 chỉ tiêu														
1	VH004	Nguyễn Châu	Anh		06/01/2002	Thành phố Huế	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư, Phòng Kế hoạch, Tài chính			Lĩnh vực kế hoạch, tài chính	38/60	78,5	-	78,5	
	CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ:														
I	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình: 01 chỉ tiêu														
1	VH026	Trần Ngọc	Mai		28/12/1996	Phú Thọ	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình			Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình	39/60	70	-	70	
II	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng: 01 chỉ tiêu														
1	VH134	Đào Phương	Anh		20/01/2000	Hưng Yên	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng			Lĩnh vực pháp chế	32/60	67	-	67	
	CỤC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH:														
I	Chuyên viên về hợp tác quốc tế, Văn phòng: 01 chỉ tiêu														
1	VH021	Nguyễn Trần Tường	Vân		04/4/2001	Hưng Yên	Chuyên viên về hợp tác quốc tế, Văn phòng			Lĩnh vực hợp tác quốc tế	46/60	50	-	50	
II	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế: 02 chỉ tiêu														
1	VH155	Dương Trung	Hiếu	20/9/2003		Nghệ An	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	35/60	64	-	64	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	VH163	Bùi Quyền	Linh	31/10/1996		Hà Nội	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	49/60	63	-	63	
	CỤC THÔNG TIN CƠ SỞ VÀ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI:														
I	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng điều phối thông tin đối ngoại: 01 chỉ tiêu														
1	VH349	Nguyễn Bích Vân	Anh		21/7/2001	Phủ Thọ	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	42/60	72	-	72	
II	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Báo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại: 01 chỉ tiêu														
1	VH378	Nguyễn Trần Khánh	Linh		07/01/2001	Hà Tĩnh	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Báo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	34/60	64	-	64	
III	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở: 01 chỉ tiêu														
1	VH177	Trịnh Lộc	Anh		12/10/2003	Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí		Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	32/60	80	-	80	
IV	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở Trung ương; nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, an toàn thông tin trong lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở: 01 chỉ tiêu														
1	VH201	Phan Mạnh	Hùng	23/12/2002		Hưng Yên	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở Trung ương; nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, an toàn thông tin trong lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	36/60	58	-	58	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
V	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở: 01 chỉ tiêu														
1	VH219	Nguyễn Quang	Minh	04/9/1999		Thanh Hóa	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	37/60	85	-	85	
VI	Chuyên viên tổng hợp, Văn phòng: 01 chỉ tiêu														
1	VH340	Nguyễn Thị Minh	Ngọc		09/7/1997	Hà Nội	Chuyên viên về tổng hợp, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	40/60	52	-	52	
VII	Văn thư viên, Văn phòng: 01 chỉ tiêu														
1	VH345	Hạ Thị Hải	Mây		25/3/1996	Thái Nguyên	Văn thư viên, Văn phòng	Chứng chỉ nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	Dân tộc Tày	Lĩnh vực văn phòng	32/60	45	5	50	

DANH SÁCH
THÍ SINH KHÔNG TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 4389 /QĐ-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	VỤ PHÁP CHẾ:														
	Chuyên viên về pháp chế: 03 chỉ tiêu														
1	VH064	Trần Trọng	An	17/10/2000		Hưng Yên	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	45/60	38	-	38	
2	VH065	Vũ Phương	Anh		04/11/2003	Ninh Bình	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	44/60	38	-	38	
3	VH066	Nguyễn Hải	Anh		29/01/2003	Hà Nội	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	36/60	57,5	-	57,5	
4	VH067	Trần Nguyên	Anh		11/6/2003	Hải Phòng	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	31/60	27	-	27	
5	VH068	Nguyễn Phạm Lan	Anh		11/10/2001	Ninh Bình	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	30/60	Bỏ thi	-		
6	VH069	Nguyễn Ngọc	Bích		11/02/2002	Ninh Bình	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	36/60	39	-	39	
7	VH070	Bùi Quỳnh	Chi		11/04/2000	Ninh Bình	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	39/60	42,5	-	42,5	
8	VH071	Cát Ngọc Linh	Chi		23/11/2003	Hà Nội	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	43/60	34	-	34	Đã trừ 50% tổng số điểm môn thi NVCN
9	VH072	Nguyễn Ngọc Linh	Chi		06/01/2001	Nghệ An	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	39/60	38	-	38	
10	VH073	Nguyễn Tiến	Đạt	27/10/2001		Hà Nội	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	33/60	36	-	36	
11	VH074	Phạm Hồng	Đức	01/02/2003		Phú Thọ	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	44/60	43,5	-	43,5	
12	VH075	Nguyễn Văn	Đức	10/10/1996		Bắc Ninh	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	37/60	35	-	35	
13	VH076	Trần Đình	Duy	23/11/2001		Ninh Bình	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	47/60	50,5	-	50,5	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
14	VH077	Nguyễn Phương	Hàng		31/8/2003	Hải Phòng	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	41/60	20	-	20	
15	VH078	Phạm Trần	Hiếu	26/12/2003		Hải Phòng	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	49/60	41	-	41	
16	VH079	Lê Hồng	Hương		17/4/2002	Thanh Hóa	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	42/60	50	-	50	
17	VH080	Nguyễn Quang	Huy	25/4/2002		Ninh Bình	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	39/60	39,5	-	39,5	
18	VH081	Đặng Thị Thu	Huyền		28/11/1991	Hà Nội	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	47/60	39	-	39	
19	VH082	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền		08/11/1994	Phú Thọ	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	39/60	51,5	-	51,5	
20	VH083	Phan Ngọc Khánh	Huyền		31/10/2003	Quảng Trị	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	48/60	46,5	-	46,5	
21	VH084	Nguyễn Gia	Khánh	26/7/2003		Ninh Bình	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	43/60	47	-	47	
22	VH085	Trần Anh	Kiệt	31/10/2001		Hà Nội	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	42/60	43	-	43	
23	VH086	Nguyễn Diệu	Linh		18/3/2001	Phú Thọ	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	48/60	56	-	56	
24	VH087	Mai Hải	Linh		03/6/2003	Thanh Hóa	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	39/60	50	-	50	
25	VH088	Nguyễn Thị	Linh		18/10/1999	Nghệ An	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	36/60	Bỏ thi	-		
26	VH089	Nguyễn Khánh	Linh		21/3/2003	Thanh Hóa	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	40/60	43	-	43	
27	VH090	Phạm Thị Thùy	Linh		11/6/2003	Hà Nội	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	36/60	40	-	40	
28	VH091	Bùi Đình Phúc	Linh		06/02/2002	Phú Thọ	Chuyên viên về Pháp chế		Dân tộc Mường	Lĩnh vực pháp chế	46/60	40	5	45	
29	VH092	Võ Thị Bích	Loan		17/10/2001	Huế	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	43/60	42,5	-	42,5	
30	VH094	Úng Mỹ	Ly		25/8/1999	Bắc Ninh	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	43/60	26,75	-	26,75	Đã trừ 50% tổng số điểm môn thi NVCN

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
31	VH095	Tạ Thị Thanh	Mai		10/3/2000	Hà Nội	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	43/60	43	-	43	
32	VH096	Chu Thị	Na		15/10/1997	Cao Bằng	Chuyên viên về Pháp chế		Dân tộc Nùng	Lĩnh vực pháp chế	33/60	Bỏ thi	-		
33	VH097	Trương Thị Quỳnh	Nga		03/10/2001	Ninh Bình	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	43/60	56,5	-	56,5	
34	VH098	Đỗ Thị Quỳnh	Nga		23/12/2002	Hải Phòng	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	39/60	44	-	44	
35	VH099	Nguyễn Thị Kim	Ngân		02/10/1997	Tuyên Quang	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	34/60	43	-	43	
36	VH100	Nguyễn Duy Hà	Ngân		22/12/2003	Hà Nội	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	47/60	48	-	48	
37	VH101	Nguyễn Vũ Thụy	Nghi		21/8/2003	Quảng Trị	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	36/60	39,5	-	39,5	
38	VH102	Nguyễn Linh	Ngọc		06/10/2002	Hà Nội	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	47/60	53,5	-	53,5	
39	VH103	Hứa Thị Phương	Nhung		09/9/1996	Ninh Bình	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	41/60	42	-	42	
40	VH104	Nguyễn Hồng	Nhung		23/02/2002	Hà Nội	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	36/60	50,5	-	50,5	
41	VH105	Nguyễn Hà	Phương		26/6/2002	Bắc Ninh	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	30/60	44	-	44	
42	VH106	Phạm Hà	Phương		19/6/2002	Hà Nội	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	36/60	51	-	51	
43	VH107	Đỗ Minh	Quân	03/6/2002		Hưng Yên	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	33/60	50	-	50	
44	VH108	Nguyễn Minh	Quang	20/11/2003		Bắc Ninh	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	45/60	59,5	-	59,5	
45	VH109	Mai Văn	Quảng	04/10/2002		Phú Thọ	Chuyên viên về Pháp chế		Dân tộc Mường	Lĩnh vực pháp chế	46/60	42	5	47	
46	VH110	Hoàng Thị Như	Quỳnh		16/9/2002	Cao Bằng	Chuyên viên về Pháp chế		Dân tộc Tày	Lĩnh vực pháp chế	47/60	50	5	55	
47	VH111	Trần Thị Ngọc	Quỳnh		02/6/2001	Ninh Bình	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	38/60	40	-	40	Điểm môn thi NVCN sau chấm phúc khảo

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
48	VH112	Tô Thị	Quỳnh		08/9/2000	Bắc Ninh	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	37/60	38,5	-	38,5	
49	VH113	Lê Thị Diễm	Quỳnh		16/9/2000	Ninh Bình	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	32/60	51	-	51	
50	VH114	Trần Thị	Quỳnh		04/9/1996	Hà Tĩnh	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	31/60	42	-	42	
51	VH115	Đặng Tiến	Sơn	27/12/2003		Bắc Ninh	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	40/60	51	-	51	
52	VH116	Lê Xuân	Sỹ	07/5/2003		Thanh Hóa	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	43/60	54	-	54	
53	VH118	Nguyễn Minh	Tâm		22/01/2001	Ninh Bình	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	34/60	51	-	51	
54	VH119	Nguyễn Hữu	Thắng	20/3/2003		Thanh Hóa	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	39/60	35	-	35	
55	VH120	Lê Tuấn	Thành	17/3/1998		Thanh Hóa	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	34/60	40	-	40	
56	VH121	Nguyễn Thị	Thảo		13/11/2002	Hung Yên	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	35/60	Bỏ thi	-		
57	VH122	Nguyễn Khắc Anh	Thư		26/12/2000	Hung Yên	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	43/60	41	-	41	
58	VH123	Nguyễn Thị	Thủy		28/6/1990	Ninh Bình	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	36/60	45,5	-	45,5	
59	VH124	Vương Toàn	Thuận	31/01/2003		Hung Yên	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	47/60	42	-	42	
60	VH125	Nguyễn Thị Huyền	Thương		05/12/2001	Thái Nguyên	Chuyên viên về Pháp chế		Dân tộc Tày	Lĩnh vực pháp chế	40/60	39,5	5	44,5	
61	VH126	Nguyễn Minh	Toàn	22/9/2002		Phú Thọ	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	34/60	Bỏ thi	-		
62	VH127	Bùi Huyền	Trang		14/11/1999	Thanh Hóa	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	30/60	35	-	35	
63	VH128	Nguyễn Thùy	Trang		27/12/2003	Hải Phòng	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	31/60	37	-	37	
64	VH129	Hoàng Văn	Trường	26/12/2001		Hải Phòng	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	46/60	45	-	45	
65	VH130	Hoàng Anh	Tuấn	30/3/2001		Hải Phòng	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	51/60	58,5	-	58,5	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
66	VH131	Đặng Thị Diệu	Thanh		16/3/2001	Hưng Yên	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	34/60	Bỏ thi	-		
67	VH132	Trần Quốc	Văn	18/01/1999		Thừa Thiên Huế	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	41/60	45	-	45	
68	VH133	Đào Thị Hải	Yến		30/4/1989	Hải Phòng	Chuyên viên về Pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	48/60	65,5	-	65,5	Điểm môn thi NVCN sau chấm phúc khảo
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐÀO TẠO VÀ MÔI TRƯỜNG:															
Chuyên viên về môi trường: 01 chỉ tiêu															
1	VH031	Nguyễn Thị Lan	Anh		27/10/1998	Phú Thọ	Chuyên viên về môi trường			Lĩnh vực môi trường	31/60	Bỏ thi	-		
2	VH032	Hoàng Thu	Công		03/4/1994	Sơn La	Chuyên viên về môi trường		Dân tộc Thái	Lĩnh vực môi trường	41/60	36	5	41	
3	VH033	Đỗ Trọng	Dương	24/5/1995		Quảng Ninh	Chuyên viên về môi trường			Lĩnh vực môi trường	38/60	38	-	38	
4	VH034	Trần Cao	Hiệp	28/10/1991		Quảng Trị	Chuyên viên về môi trường		Con thương binh hạng 1/4	Lĩnh vực môi trường	34/60	29	5	34	
5	VH035	Bùi Diệu Khánh	Linh		04/9/2003	Hưng Yên	Chuyên viên về môi trường			Lĩnh vực môi trường	30/60	32	-	32	
6	VH036	Nguyễn Thùy	Ninh		29/9/1995	Hà Nội	Chuyên viên về môi trường			Lĩnh vực môi trường	38/60	46	-	46	Điểm môn thi NVCN sau chấm phúc khảo
7	VH037	Nguyễn Thị Hà	Phương		12/02/2002	Hải Phòng	Chuyên viên về môi trường			Lĩnh vực môi trường	40/60	23	-	23	Đã trừ 50% tổng số điểm môn thi NVCN
8	VH038	Nông Đức	Thắng	11/11/1995		Cao Bằng	Chuyên viên về môi trường			Lĩnh vực môi trường	40/60	45	-	45	
VĂN PHÒNG BỘ:															
I	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính: 01 chỉ tiêu														
1	VH236	Chu Mai	Anh		06/11/1997	Hà Nội	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính			Lĩnh vực cải cách hành chính	34/60	16,5	-	16,5	Đã trừ 50% tổng số điểm môn thi NVCN

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	VH237	Nguyễn Văn	Hoan	03/01/2000		Hà Nội	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính			Lĩnh vực cải cách hành chính	40/60	58	-	58	Điểm môn thi NVCN sau chấm phúc khảo
3	VH238	Ngô Xuân	Hoàng	11/6/2001		Hà Nội	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính			Lĩnh vực cải cách hành chính	31/60	50	-	50	
4	VH239	Trương Việt	Huy	19/8/2003		Hà Nội	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính			Lĩnh vực cải cách hành chính	31/60	23	-	23	
5	VH240	Nguyễn Thị Thùy	Linh		19/10/2002	Ninh Bình	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính			Lĩnh vực cải cách hành chính	36/60	50	-	50	
6	VH241	Thân Thị Thủy	Mai		10/5/1988	Bắc Ninh	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính			Lĩnh vực cải cách hành chính	41/60	54	-	54	
7	VH242	Lê Trương Huyền	My		21/3/2003	Thanh Hóa	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính			Lĩnh vực cải cách hành chính	32/60	53	-	53	
8	VH243	Vũ Thị Bảo	Ngọc		10/5/2002	Phú Thọ	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính			Lĩnh vực cải cách hành chính	32/60	Bỏ thi	-		
9	VH244	Trần Thúy	Phương		06/12/2001	Ninh Bình	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính			Lĩnh vực cải cách hành chính	36/60	58	-	58	
10	VH245	Nguyễn Chiến	Thắng	02/10/1984		Hà Nội	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính			Lĩnh vực cải cách hành chính	42/60	31	-	31	
11	VH247	Bùi Thị	Thảo		03/12/2002	Hưng Yên	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính			Lĩnh vực cải cách hành chính	39/60	38	-	38	
12	VH248	Đình Anh	Thiện	21/9/1994		Cao Bằng	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính		Dân tộc Nùng	Lĩnh vực cải cách hành chính	37/60	33	5	38	
13	VH249	Trần Đức	Trung	11/6/2000		Hà Nội	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính			Lĩnh vực cải cách hành chính	39/60	52	-	52	
14	VH250	Trần Thanh	Tường	17/11/1987		Lâm Đồng	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính			Lĩnh vực cải cách hành chính	43/60	14	-	14	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
15	VH251	Nguyễn Cảnh	Vinh	11/8/2001		Hà Nội	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính			Lĩnh vực cải cách hành chính	34/60	33	-	33	
16	VH252	Đào Thúy	Xuân		05/9/2002	Cao Bằng	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Hành chính		Dân tộc Mông	Lĩnh vực cải cách hành chính	32/60	8	5	13	
II Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị: 02 chỉ tiêu															
1	VH279	Huỳnh Ngọc Minh	Anh		27/6/1997	Huế	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	39/60	19	-	19	
2	VH280	Nguyễn Lê Châu	Anh		27/12/2003	Hà Nội	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	34/60	19	-	19	
3	VH281	Tạ Thị Ngọc	Ánh		13/4/2000	Hưng Yên	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	40/60	Bỏ thi	-		
4	VH282	Trần Trúc	Bình		29/8/1993	Ninh Bình	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	35/60	24	-	24	
5	VH283	Nguyễn Tiến	Duy	04/3/1999		Quảng Ninh	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	35/60	22	-	22	
6	VH284	Trần Mỹ	Hà		16/8/2003	Ninh Bình	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	41/60	16	-	16	
7	VH285	Đoàn Hồng	Hải	01/12/2003		Hưng Yên	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	36/60	25	-	25	Điểm môn thi NVCN sau chấm phúc khảo
8	VH286	Nguyễn Thu	Hằng		03/5/2003	Ninh Bình	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	30/60	Bỏ thi	-		
9	VH287	Nguyễn Hoàng Minh	Hương		08/11/2001	Hà Nội	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị		Dân tộc Nùng	Lĩnh vực văn phòng	44/60	40	5	45	Điểm môn thi NVCN sau chấm phúc khảo
10	VH288	Trần Thị Thanh	Huyền		14/11/2001	Hưng Yên	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	43/60	19	-	19	
11	VH289	Hồ Thị	Huyền		09/02/2003	Thanh Hóa	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị		Dân tộc Mường	Lĩnh vực văn phòng	39/60	20	5	25	
12	VH290	Nguyễn Chí	Long	19/7/2000		Hà Nội	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	48/60	32	-	32	
13	VH291	Trần Khánh	Lý		28/02/2002	Hà Nội	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	41/60	22	-	22	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
14	VH292	Quách Hà	My		25/7/2001	Thanh Hóa	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị		Dân tộc Mường	Lĩnh vực văn phòng	43/60	18	5	23	
15	VH293	Nguyễn Kỳ	Nam	17/9/1987		TP. Hồ Chí Minh	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	35/60	33	-	33	
16	VH294	Nguyễn Hải	Nam	28/5/2003		Phú Thọ	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	34/60	19	-	19	
17	VH296	Nguyễn Tiến	Phong	02/01/1998		Phú Thọ	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	38/60	19	-	19	
18	VH298	Lê Thị Hồng	Phương		01/5/1998	Hà Nội	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	31/60	20	-	20	
19	VH299	Lê Thanh	Thảo		12/7/2002	Ninh Bình	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	37/60	8	-	8	
20	VH300	Trần Tấn	Trường	05/5/1992		Tây Ninh	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	30/60	Bỏ thi	-		
21	VH301	Phạm Thanh	Tùng	25/02/1994		Hưng Yên	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	36/60	7	-	7	
22	VH302	Phạm Thị	Tươi		21/12/2000	Bắc Ninh	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	36/60	10	-	10	
23	VH303	Nguyễn Quốc	Vinh	22/7/1992		Quảng Trị	Chuyên viên về quản trị công sở, Phòng Quản trị			Lĩnh vực văn phòng	33/60	44	-	44	Điểm môn thi NVCN sau chấm phúc khảo
III	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành, Phòng Tổng hợp, Tuyên truyền: 01 chỉ tiêu														
1	VH304	Mai Kim	Anh		19/12/1996	Hà Nội	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành, Phòng Tổng hợp, Tuyên truyền			Lĩnh vực văn phòng	43/60	7	-	7	
2	VH305	Dương Thị Phương	Anh		06/02/2002	Tuyên Quang	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành, Phòng Tổng hợp, Tuyên truyền			Lĩnh vực văn phòng	30/60	Bỏ thi	-		
3	VH306	Đỗ Thái	Bình	09/10/2003		Hưng Yên	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành, Phòng Tổng hợp, Tuyên truyền			Lĩnh vực văn phòng	32/60	12	-	12	
4	VH307	Lục Quốc	Cường	05/01/2000		Quảng Ninh	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành, Phòng Tổng hợp, Tuyên truyền		Dân tộc Sán Dìu	Lĩnh vực văn phòng	42/60	12	5	17	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	VH308	Lương Nữ Linh	Đan		18/4/1999	Quảng Trị	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành, Phòng Tổng hợp, Tuyên truyền			Lĩnh vực văn phòng	34/60	18	-	18	
6	VH310	Nguyễn Thị Hương	Giang		15/02/1999	Lào Cai	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành, Phòng Tổng hợp, Tuyên truyền		Dân tộc Tày	Lĩnh vực văn phòng	33/60	22	5	27	
7	VH311	Hoàng Thị	Hiền		28/7/2002	Thanh Hóa	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành, Phòng Tổng hợp, Tuyên truyền			Lĩnh vực văn phòng	32/60	11	-	11	
8	VH312	Lê Quang	Huy	31/7/2000		Phú Thọ	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành, Phòng Tổng hợp, Tuyên truyền			Lĩnh vực văn phòng	45/60	32	-	32	Điểm môn thi NVCN sau chấm phúc khảo
9	VH313	Nguyễn Phước An	Khang	18/6/1999		An Giang	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành, Phòng Tổng hợp, Tuyên truyền			Lĩnh vực văn phòng	33/60	45	-	45	
10	VH314	Phạm Thành	Long	15/4/2002		Ninh Bình	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành, Phòng Tổng hợp, Tuyên truyền			Lĩnh vực văn phòng	38/60	Bỏ thi	-		
11	VH315	Phạm Như	Ngọc		25/12/1996	Hà Nội	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành, Phòng Tổng hợp, Tuyên truyền			Lĩnh vực văn phòng	42/60	39	-	39	
12	VH316	Thái Hương	Thảo		18/01/2002	Nghệ An	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành, Phòng Tổng hợp, Tuyên truyền			Lĩnh vực văn phòng	38/60	0	-	0	
13	VH317	Tổng Thành	Tín	20/11/2003		Hưng Yên	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành, Phòng Tổng hợp, Tuyên truyền			Lĩnh vực văn phòng	32/60	13	-	13	
14	VH318	Nguyễn Thảo	Vân		08/3/2001	Hà Nội	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành, Phòng Tổng hợp, Tuyên truyền			Lĩnh vực văn phòng	49/60	31	-	31	
CỤC DI SẢN VĂN HÓA:															
Chuyên viên về hợp tác quốc tế, Văn phòng: 01 chỉ tiêu															
1	VH013	Đặng Hải	Yến		28/5/1991	Hà Nội	Chuyên viên về hợp tác quốc tế, Văn phòng			Lĩnh vực hợp tác quốc tế	46/60	42	-	42	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	CỤC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN:														
I	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng Quản lý Biểu diễn: 01 chỉ tiêu														
1	VH390	Nguyễn Kiều	Anh		26/8/1999	Hải Phòng	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng Quản lý biểu diễn			Lĩnh vực văn hóa	32/60	10	-	10	Đã trừ 50% tổng số điểm môn thi NVCN
2	VH391	Lê Hữu	Hoa	03/01/1994		Hà Nội	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng Quản lý biểu diễn		Hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân	Lĩnh vực văn hóa	31/60	29,5	2,5	32	
3	VH392	Nguyễn Đạo	Lâm	20/8/2000		Hà Nội	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng Quản lý biểu diễn			Lĩnh vực văn hóa	37/60	31,5	-	31,5	
4	VH393	Vũ Văn	Phước	30/11/2003		Hưng Yên	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng Quản lý biểu diễn			Lĩnh vực văn hóa	38/60	25	-	25	
5	VH394	Đỗ Thị Thu	Phương		08/02/1994	Ninh Bình	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng Quản lý biểu diễn			Lĩnh vực văn hóa	34/60	25,5	-	25,5	Đã trừ 50% tổng số điểm môn thi NVCN
II	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn) Phòng nghệ thuật: 01 chỉ tiêu														
1	VH395	Phạm Thanh	An	19/01/2001		Thanh Hóa	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng nghệ thuật			Lĩnh vực văn hóa	30/60	22	-	22	
2	VH397	Nguyễn Tài Bảo	Anh	09/7/1999		Hà Nội	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng nghệ thuật			Lĩnh vực văn hóa	30/60	Bỏ thi	-		
3	VH398	Đỗ Mạnh	Gia	27/8/1995		Hà Nội	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng nghệ thuật			Lĩnh vực văn hóa	43/60	10,5	-	10,5	
4	VH399	Tiêu Thị Thu	Hương		15/02/2001	Tuyên Quang	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng nghệ thuật		Dân tộc Cao Lan	Lĩnh vực văn hóa	43/60	39,5	5	44,5	
5	VH400	Nguyễn Thị Thúy	Hải		08/02/2000	Phú Thọ	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng nghệ thuật			Lĩnh vực văn hóa	33/60	7	-	7	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
6	VH401	Mai Đức	Mai	15/4/1993		Thanh Hóa	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng nghệ thuật			Lĩnh vực văn hóa	44/60	66	-	66	
7	VH402	Đỗ Bảo	Ngọc		03/9/2002	Ninh Bình	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng nghệ thuật		Dân tộc Dao	Lĩnh vực văn hóa	35/60	16	5	21	
8	VH403	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		03/9/1997	Quảng Ngãi	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng nghệ thuật			Lĩnh vực văn hóa	37/60	19	-	19	
9	VH404	Đinh Thị Hồng	Thắm		03/12/2002	Hà Nội	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng nghệ thuật			Lĩnh vực văn hóa	36/60	19	-	19	
10	VH405	Ngô Thị Phương	Thảo		13/7/1998	Hà Nội	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng nghệ thuật			Lĩnh vực văn hóa	35/60	14,5	-	14,5	
11	VH406	Nguyễn Thị Thu	Trang		18/11/2001	Hà Nội	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng nghệ thuật			Lĩnh vực văn hóa	33/60	11	-	11	
III	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng Văn học: 01 chỉ tiêu														
1	VH408	Nguyễn Phương	Hiền		31/5/1999	Hà Nội	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng Văn học			Lĩnh vực văn hóa	37/60	12	-	12	
2	VH409	Cần Thị	Huyền		06/7/1997	Hà Nội	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng Văn học			Lĩnh vực văn hóa	37/60	33,5	-	33,5	
3	VH410	Nguyễn Đức	Minh	01/10/1991		Ninh Bình	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn), Phòng Văn học			Lĩnh vực văn hóa	43/60	10	-	10	
	CỤC ĐIỆN ẢNH:														
	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (lĩnh vực điện ảnh), Văn phòng: 01 chỉ tiêu														
1	VH411	Nguyễn Thị Phương	Dung		12/5/2001	Bắc Ninh	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (lĩnh vực điện ảnh), Văn phòng			Lĩnh vực văn hóa	40/60	38,5	-	38,5	Điểm môn thi NVCN sau chấm phúc khảo
	CỤC HỢP TÁC QUỐC TẾ:														
	Chuyên viên về tổng hợp, Văn phòng: 01 chỉ tiêu														
1	VH319	Phạm Gia	Bách	29/5/1998		Hưng Yên	Chuyên viên về tổng hợp, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	37/60	15	-	15	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	VH320	Nguyễn Anh	Hào	28/6/2003		Hà Nội	Chuyên viên về tổng hợp, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	46/60	7	-	7	Đã trừ 50% tổng số điểm môn thi NVCN
3	VH321	Nguyễn Bảo	Huy	24/01/2003		Hải Phòng	Chuyên viên về tổng hợp, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	44/60	25	-	25	
4	VH322	Nguyễn Hoàng	Hiệp	30/6/2002		Phú Thọ	Chuyên viên về tổng hợp, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	32/60	39	-	39	
5	VH323	Nguyễn Trung	Hiếu	08/6/1996		Hải Phòng	Chuyên viên về tổng hợp, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	40/60	34	-	34	
6	VH324	Mai Danh	Ngọc	16/02/1992		Thanh Hóa	Chuyên viên về tổng hợp, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	47/60	24	-	24	Điểm môn thi NVCN sau chấm phúc khảo
CỤC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM:															
Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm), Phòng Triển lãm và Mỹ thuật ứng dụng: 01 chỉ tiêu															
1	VH413	Nguyễn Toàn	Thắng	15/8/2002		Gia Lai	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm), Phòng Triển lãm và Mỹ thuật ứng dụng			Lĩnh vực văn hóa	35/60	9	-	9	
2	VH414	Vì Thị Kim	Tuyền		14/8/2000	Cao Bằng	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm), Phòng Triển lãm và Mỹ thuật ứng dụng		Dân tộc Tày	Lĩnh vực văn hóa	36/60	8	5	13	
CỤC THỂ DỤC THỂ THAO VIỆT NAM:															
I	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục cải cách hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao), Văn phòng: 02 chỉ tiêu														
1	VH253	Dương Đỗ	Chí	27/8/1995		Hà Nội	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục cải cách hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	46/60	4	-	4	Đã trừ 50% tổng số điểm môn thi NVCN
2	VH255	Nguyễn Xuân	Công	30/4/1991		Hà Nội	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục cải cách hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	40/60	41	-	41	
3	VH256	Đồng Thị Thùy	Dương		12/10/1998	Hải Phòng	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục cải cách hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	33/60	26	-	26	Đã trừ 50% tổng số điểm môn thi NVCN

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	VH257	Bé Thu	Huyền		28/01/2002	Thái Nguyên	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục cải cách hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao), Văn phòng		Dân tộc Tày	Lĩnh vực cải cách hành chính	41/60	33	5	38	
5	VH258	Vũ Trọng	Khôi	08/01/2002		Thanh Hóa	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục cải cách hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	38/60	38	-	38	
6	VH260	Đỗ Thị Kim	Ngân		29/9/1997	Bắc Ninh	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục cải cách hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	48/60	33	-	33	
7	VH261	Lê Thị	Quyên		30/8/1994	Thanh Hóa	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục cải cách hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	34/60	39	-	39	
8	VH262	Lê Thị Phương	Thảo		02/10/2001	Hà Nội	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục cải cách hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	32/60	25	-	25	
9	VH263	Lý Văn	Thậm	12/12/1992		Thái Nguyên	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục cải cách hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao), Văn phòng		Dân tộc Tày	Lĩnh vực cải cách hành chính	42/60	21	5	26	
10	VH264	Nguyễn Văn	Toàn	13/01/2001		Hà Nội	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục cải cách hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	34/60	41	-	41	
11	VH265	Hà Nam	Trung	21/7/1974		Tuyên Quang	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục cải cách hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao), Văn phòng		Dân tộc Tày	Lĩnh vực cải cách hành chính	43/60	37	5	42	
12	VH266	Vũ Thị Hồng	Vi		19/7/2001	Ninh Bình	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục cải cách hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	36/60	51	-	51	
II	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục hành chính trong đầu tư kinh doanh), Văn phòng: 01 chỉ tiêu														
1	VH268	Nguyễn Ngọc	Dung		08/01/2003	Hà Nội	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục hành chính trong đầu tư kinh doanh), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	36/60	31	-	31	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	VH269	Nguyễn Ngọc Minh	Hung		05/7/2003	Hà Nội	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục hành chính trong đầu tư kinh doanh), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	47/60	57	-	57	
3	VH270	Cao Thị	Huyền		15/3/2003	Nghệ An	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục hành chính trong đầu tư kinh doanh), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	45/60	53	-	53	
4	VH271	Bạch Thị	Lam		08/4/2003	Hà Tĩnh	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục hành chính trong đầu tư kinh doanh), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	46/60	43	-	43	
5	VH272	Nguyễn Diệu	Linh		14/9/2002	Hà Nội	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục hành chính trong đầu tư kinh doanh), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	38/60	40	-	40	
6	VH273	Hà Thị	Phuong		13/5/2001	Hải Phòng	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục hành chính trong đầu tư kinh doanh), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	36/60	51	-	51	
7	VH274	Nguyễn Thị	Phuong		17/01/1994	Hà Nội	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục hành chính trong đầu tư kinh doanh), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	35/60	37	-	37	
8	VH275	Lữ Văn	Tâm	02/9/1998		Thanh Hóa	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục hành chính trong đầu tư kinh doanh), Văn phòng		Hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân	Lĩnh vực cải cách hành chính	32/60	39	2,5	41,5	
9	VH276	Bùi Xuân	Tân	04/7/2000		Hà Nội	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục hành chính trong đầu tư kinh doanh), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	33/60	28	-	28	
10	VH277	Đoàn Thị	Thảo		28/10/2002	Ninh Bình	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục hành chính trong đầu tư kinh doanh), Văn phòng			Lĩnh vực cải cách hành chính	36/60	42	-	42	
11	VH278	Lô Thị	Trang		24/10/2002	Nghệ An	Chuyên viên về cải cách hành chính (thủ tục hành chính trong đầu tư kinh doanh), Văn phòng		Dân tộc Thái	Lĩnh vực cải cách hành chính	43/60	52	5	57	
	CỤC VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM:														
I	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Văn phòng: 01 chỉ tiêu														
1	VH325	Hà Trọng Ngọc	Bảo		13/12/2001	Sơn La	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Văn phòng		Dân tộc Thái	Lĩnh vực văn phòng	36/60	19	5	24	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	VH326	Phạm Minh	Châu		22/9/2003	Phú Thọ	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	34/60	43	-	43	
3	VH327	Đàm Minh	Diệu		21/9/1999	Cao Bằng	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Văn phòng		Dân tộc Tày	Lĩnh vực văn phòng	41/60	18	5	23	
4	VH328	Nguyễn Huỳnh	Đức	25/9/1997		Hưng Yên	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	37/60	45	-	45	
5	VH329	Hoàng Thị	Duyên		07/10/2002	Lào Cai	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Văn phòng		Dân tộc Tày	Lĩnh vực văn phòng	31/60	Bỏ thi	-		
6	VH330	Nguyễn Hương	Giang		04/7/2000	Lạng Sơn	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	32/60	22	-	22	
7	VH331	Nguyễn Thị Thu	Hà		11/12/1997	Hà Nội	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Văn phòng		Con thương binh hạng 2/4	Lĩnh vực văn phòng	47/60	35	5	40	
8	VH333	Nguyễn Hùng	Sơn	21/7/2002		Hải Phòng	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	37/60	23	-	23	
9	VH334	Trương Thị	Thảo		06/02/1989	Thanh Hóa	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	48/60	38	-	38	
10	VH335	Nguyễn Văn	Việt	25/7/1988		Nghệ An	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	41/60	50	-	50	
11	VH336	Tạ Văn	Vĩnh	18/9/1986		Thái Nguyên	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	41/60	Bỏ thi	-		
II	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ: 01 chỉ tiêu														
1	VH039	Lê Bảo	An	05/8/1999		Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	38/60	11,5	-	11,5	
2	VH040	Lương Thị Quế	Anh		18/11/2002	Lạng Sơn	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ		Dân tộc Tày	Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	33/60	6	5	11	
3	VH041	Ngô Lan	Anh		20/6/2002	Phú Thọ	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	42/60	25,5	-	25,5	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	VH042	Nguyễn Thị Thùy	Dương		21/5/2002	Hưng Yên	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	44/60	54,5	-	54,5	
5	VH043	Nguyễn Thị	Hà		23/4/1994	Lạng Sơn	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	34/60	16,5	-	16,5	
6	VH044	Nguyễn Minh	Hiền		09/5/2003	Thái Nguyên	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ		Dân tộc Tày	Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	34/60	8	5	13	
7	VH045	Phạm Thu	Hiền		27/8/1998	Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	32/60	22,5	-	22,5	
8	VH046	Hà Mạnh	Hùng	26/9/1998		Sơn La	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ		Dân tộc Mường	Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	43/60	10,5	5	15,5	
9	VH047	Ngô Mạnh	Hùng	02/02/1984		Quảng Ninh	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	37/60	20	-	20	
10	VH049	Hoàng Quốc	Khánh	01/9/2003		Lạng Sơn	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ		Dân tộc Nùng	Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	32/60	12	5	17	
11	VH050	Doãn Thị	Loan		16/10/1992	Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	39/60	34	-	34	
12	VH051	Lô Văn	Lý	09/01/1990		Thái Nguyên	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ		Dân tộc Nùng	Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	36/60	12	5	17	
13	VH052	Quản Thị Ngọc	Mai		31/8/1995	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	32/60	30	-	30	
14	VH053	Đỗ Hương Trà	Mi		06/9/2000	Tuyên Quang	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ		Dân tộc Sán Dìu	Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	39/60	15	5	20	
15	VH054	Đặng Thảo	My		28/8/1997	Hưng Yên	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	46/60	19	-	19	
16	VH055	Nguyễn Khánh	Nguyên		25/7/2003	Phú Thọ	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	44/60	30,5	-	30,5	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
17	VH056	Lưu Thị Hồng	Nhung		19/02/2001	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	45/60	35	-	35	
18	VH057	Đinh Văn	Phương	29/10/1991		Hà Nội	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	41/60	33	-	33	
19	VH058	Nguyễn Ngọc	Thảo		01/4/2001	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	49/60	72,5	-	72,5	
20	VH059	Nguyễn Hà Hiền	Thảo		29/10/1996	Hưng Yên	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	45/60	Bỏ thi	-		
21	VH060	Phạm Thị Thanh	Trà		27/12/1997	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	47/60	32	-	32	
22	VH061	Lê Thị Hiền	Trang		18/7/2003	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	41/60	29	-	29	
23	VH062	Nguyễn Thị	Ý		23/5/2003	Bắc Ninh	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Phòng Tổ chức cán bộ			Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	36/60	15,5	-	15,5	
III	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Bảo tồn Văn hóa dân tộc: 01 chỉ tiêu														
1	VH415	Nguyễn Thị Vân	Anh		20/02/1996	Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Bảo tồn Văn hóa dân tộc			Lĩnh vực văn hóa	38/60	5	-	5	
2	VH416	Trần Ngọc	Ánh		22/4/2003	Phú Thọ	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Bảo tồn Văn hóa dân tộc			Lĩnh vực văn hóa	34/60	13	-	13	
3	VH417	Nguyễn Tất	Danh	06/11/2000		Nghệ An	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Bảo tồn Văn hóa dân tộc			Lĩnh vực văn hóa	38/60	11,5	-	11,5	
4	VH418	Nguyễn Thị	Hạnh		14/02/1995	Phú Thọ	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Bảo tồn Văn hóa dân tộc		Dân tộc Mường	Lĩnh vực văn hóa	38/60	18	5	23	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	VH420	Nguyễn Ngọc	Hợp	23/4/2002		Hà Nội	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Bảo tồn Văn hóa dân tộc			Lĩnh vực văn hóa	46/60	13,5	-	13,5	
6	VH421	Hoàng Thị	Nhinh		17/10/2001	Hưng Yên	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Bảo tồn Văn hóa dân tộc			Lĩnh vực văn hóa	34/60	13	-	13	
7	VH422	Ma Văn	Pao	26/7/2000		Thái Nguyên	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Bảo tồn Văn hóa dân tộc		Dân tộc Tày	Lĩnh vực văn hóa	35/60	0	5	5	
8	VH423	Hồ Thị Thanh	Tuyền		17/02/2000	Tây Ninh	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Bảo tồn Văn hóa dân tộc			Lĩnh vực văn hóa	38/60	23	-	23	
IV	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Nghiệp vụ Văn hóa dân tộc: 01 chỉ tiêu														
1	VH424	Lê Hoàng	Anh	26/6/1999		Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Nghiệp vụ Văn hóa dân tộc			Lĩnh vực văn hóa	35/60	0	-	0	
2	VH425	Nguyễn Việt	Anh	25/7/1998		Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Nghiệp vụ Văn hóa dân tộc			Lĩnh vực văn hóa	37/60	6,5	-	6,5	
3	VH426	Nguyễn Thị Thanh	Hải		12/6/1999	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Nghiệp vụ Văn hóa dân tộc			Lĩnh vực văn hóa	30/60	8	-	8	
4	VH427	Nguyễn Việt	Hạnh	04/8/1992		Hà Nội	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Nghiệp vụ Văn hóa dân tộc			Lĩnh vực văn hóa	37/60	37	-	37	Điểm môn thi NVCN sau chấm phúc khảo
5	VH428	Vũ Mỹ	Hạnh		18/3/2003	Hưng Yên	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Nghiệp vụ Văn hóa dân tộc			Lĩnh vực văn hóa	32/60	12,5	-	12,5	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
6	VH429	Nguyễn Thị Thu	Hoa		27/9/1991	Hưng Yên	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Nghiệp vụ Văn hóa dân tộc			Lĩnh vực văn hóa	39/60	31	-	31	
7	VH430	Lăng Văn	Khuyên	06/4/1993		Lạng Sơn	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Nghiệp vụ Văn hóa dân tộc		Dân tộc Nùng	Lĩnh vực văn hóa	36/60	18,5	5	23,5	
8	VH432	Nguyễn Thị	Mùi		02/02/2003	Thanh Hóa	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Nghiệp vụ Văn hóa dân tộc			Lĩnh vực văn hóa	39/60	19,5	-	19,5	
9	VH433	Phùng Mạnh	Tùng	17/8/1998		Hà Nội	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (quản lý văn hóa dân tộc), Phòng Nghiệp vụ Văn hóa dân tộc			Lĩnh vực văn hóa	36/60	15	-	15	
V	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư, Phòng Kế hoạch, Tài chính: 01 chỉ tiêu														
1	VH003	Bùi Thị Minh	Anh		30/4/2003	Hải Phòng	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư, Phòng Kế hoạch, Tài chính			Lĩnh vực kế hoạch, tài chính	43/60	50	-	50	
2	VH005	Đinh Kim	Cương	12/8/1989		Hà Nội	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư, Phòng Kế hoạch, Tài chính			Lĩnh vực kế hoạch, tài chính	36/60	Bỏ thi	-		
3	VH006	Trần Trung	Dũng	01/02/1993		Hưng Yên	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư, Phòng Kế hoạch, Tài chính			Lĩnh vực kế hoạch, tài chính	38/60	56,5	-	56,5	
4	VH007	Nguyễn Tiến	Dũng	26/10/1994		Hà Nội	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư, Phòng Kế hoạch, Tài chính			Lĩnh vực kế hoạch, tài chính	40/60	45,5	-	45,5	
5	VH008	Nguyễn Hoài	Nam	28/7/1999		Hà Nội	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư, Phòng Kế hoạch, Tài chính			Lĩnh vực kế hoạch, tài chính	36/60	43,5	-	43,5	
6	VH009	Trần Bảo	Ngọc		27/02/2000	Ninh Bình	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư, Phòng Kế hoạch, Tài chính			Lĩnh vực kế hoạch, tài chính	37/60	52	-	52	
7	VH010	Nguyễn Hoàng	Sơn	24/12/2000		Hưng Yên	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư, Phòng Kế hoạch, Tài chính			Lĩnh vực kế hoạch, tài chính	30/60	41	-	41	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
8	VH011	Trần Thị Phương	Thảo		12/11/2002	Nghệ An	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư, Phòng Kế hoạch, Tài chính			Lĩnh vực kế hoạch, tài chính	43/60	26,5	-	26,5	Đã trừ 50% tổng số điểm môn thi NVCN
9	VH012	Đàm Quang	Trung	14/02/1992		Ninh Bình	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư, Phòng Kế hoạch, Tài chính			Lĩnh vực kế hoạch, tài chính	39/60	50	-	50	
CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ:															
I	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình: 01 chỉ tiêu														
1	VH022	Đỗ Châu	Anh		22/11/2003	Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình		Dân tộc Nùng	Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình	32/60	59	5	64	
2	VH023	Lương Minh	Anh		16/12/2003	Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình			Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình	35/60	40	-	40	
3	VH024	Nguyễn Quang	Công	30/01/1996		Hà Nội	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình			Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình	40/60	9	-	9	
4	VH025	Đặng Trường	Giang	25/4/1999		Bắc Ninh	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình			Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình	37/60	23	-	23	Đã trừ 50% tổng số điểm môn thi NVCN
5	VH027	Nguyễn Phương Trà	My		12/10/2002	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình			Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình	42/60	43	-	43	
6	VH028	Chữ Tuấn	Ninh	11/8/2003		Hà Nội	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình			Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình	34/60	41	-	41	
7	VH029	Phan Phương	Thảo		27/4/2000	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình			Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình	31/60	51	-	51	
8	VH030	Ngô Thu	Trang		11/12/1994	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình			Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình	30/60	47	-	47	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
II	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng: 01 chỉ tiêu														
1	VH135	Nguyễn An	Bình		22/02/2000	Hà Nội	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng			Lĩnh vực pháp chế	35/60	Bỏ thi	-		
2	VH136	Nguyễn Văn	Huỳnh	10/6/1998		Hải Phòng	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng			Lĩnh vực pháp chế	48/60	31,5	-	31,5	
3	VH137	Trần Thị Ánh	Hồng		17/10/1993	Bắc Ninh	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng			Lĩnh vực pháp chế	42/60	44,5	-	44,5	
4	VH138	Nguyễn Thị	Ngát		27/3/2002	Ninh Bình	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng			Lĩnh vực pháp chế	30/60	36	-	36	
5	VH139	Lê Nguyễn Ánh	Ngọc		26/7/2003	Phú Thọ	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng			Lĩnh vực pháp chế	43/60	54,5	-	54,5	
6	VH140	Đinh Thị	Tài		04/3/2002	Hà Nội	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng			Lĩnh vực pháp chế	40/60	41,5	-	41,5	
7	VH141	Nguyễn Hữu	Thịnh	02/4/1990		Phú Thọ	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng			Lĩnh vực pháp chế	42/60	38	-	38	
8	VH142	Nguyễn Thị Hồng	Thương		15/01/1997	Nghệ An	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng			Lĩnh vực pháp chế	35/60	30,5	-	30,5	
	CỤC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH:														
I	Chuyên viên về hợp tác quốc tế, Văn phòng: 01 chỉ tiêu														
1	VH015	Lý Thanh	Hằng		11/9/2000	Ninh Bình	Chuyên viên về hợp tác quốc tế, Văn phòng			Lĩnh vực hợp tác quốc tế	38/60	39,5	-	39,5	
2	VH016	Nguyễn Minh	Hiếu	16/8/2001		Bắc Ninh	Chuyên viên về hợp tác quốc tế, Văn phòng			Lĩnh vực hợp tác quốc tế	49/60	36	-	36	
3	VH017	Vũ Thùy	Linh		01/11/2004	Hưng Yên	Chuyên viên về hợp tác quốc tế, Văn phòng			Lĩnh vực hợp tác quốc tế	45/60	43	-	43	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	VH018	Trần Hiếu	Linh		16/3/2001	Hung Yên	Chuyên viên về hợp tác quốc tế, Văn phòng			Lĩnh vực hợp tác quốc tế	44/60	29	-	29	Điểm môn thi NVCN sau chấm phúc khảo
5	VH019	Hà Thị	Phuong		05/01/2003	Thái Nguyên	Chuyên viên về hợp tác quốc tế, Văn phòng			Lĩnh vực hợp tác quốc tế	36/60	20,5	-	20,5	Đã trừ 50% tổng số điểm môn thi NVCN
6	VH020	Nguyễn Nhật	Quang	07/9/2001		Nghệ An	Chuyên viên về hợp tác quốc tế, Văn phòng			Lĩnh vực hợp tác quốc tế	40/60	33,5	-	33,5	
II Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế: 02 chỉ tiêu															
1	VH143	Mai Diệp	Anh		12/8/2002	Tuyên Quang	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế		Dân tộc Tày	Lĩnh vực pháp chế	32/60	29	5	34	
2	VH144	Vương Tùng	Chi		14/5/2003	Tuyên Quang	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế		Dân tộc Tày	Lĩnh vực pháp chế	32/60	5,5	5	10,5	
3	VH145	Ngô Đăng	Công	30/10/1996		Hà Nội	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	44/60	59	-	59	
4	VH146	Nguyễn Hữu	Dương	12/3/1993		Hà Nội	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	39/60	18,5	-	18,5	
5	VH147	Lê Thị	Dương		22/10/1994	Hà Nội	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	36/60	28	-	28	
6	VH148	Đào Khánh	Đan		02/9/2003	Nghệ An	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	37/60	31,5	-	31,5	
7	VH149	Cao Việt	Đức	29/7/2000		Hà Nội	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	43/60	44	-	44	
8	VH150	Nguyễn Thu	Hà		25/12/1998	Phú Thọ	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế		Dân tộc Mường	Lĩnh vực pháp chế	31/60	26,5	5	31,5	
9	VH151	Bùi Thu	Hương		28/3/1992	Hà Nội	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	38/60	30	-	30	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
10	VH152	Đào Mai	Hiên		20/9/2003	Hà Nội	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	38/60	33	-	33	
11	VH153	Nguyễn Ngọc	Hiếu	25/10/1996		Quảng Trị	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	41/60	29,5	-	29,5	
12	VH154	Chung Thị Minh	Hiếu		22/9/2001	Tuyên Quang	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế		Dân tộc Tày	Lĩnh vực pháp chế	39/60	20,5	5	25,5	
13	VH156	Trịnh Thị	Hoa		27/02/2001	Thanh Hóa	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	35/60	Bỏ thi	-		
14	VH157	Trịnh Lan	Hương		29/01/1999	Ninh Bình	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	38/60	44	-	44	
15	VH158	Hoàng Trần	Huy	02/11/1998		Hà Nội	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	38/60	26,5	-	26,5	
16	VH159	Nguyễn Đức	Khôi	22/9/1997		Bắc Ninh	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	41/60	42	-	42	
17	VH160	Vì Trung	Kiên	27/4/2003		Quảng Ninh	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	39/60	42	-	42	
18	VH161	Hoàng Hải	Lâm	09/8/2001		Quảng Ninh	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	48/60	50	-	50	
19	VH162	Lò Thị	Lập		18/11/2003	Điện Biên	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế		Dân tộc Thái	Lĩnh vực pháp chế	30/60	43	5	48	
20	VH164	Nguyễn Tiến	Lộc	30/12/2003		Hà Nội	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	37/60	39	-	39	
21	VH165	Bé Thị	Mai		02/3/2001	Lạng Sơn	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế		Dân tộc Tày	Lĩnh vực pháp chế	30/60	38,5	5	43,5	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
22	VH166	Nguyễn Văn	Nam	03/8/1996		Hà Nội	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	30/60	21,5	-	21,5	
23	VH167	Nguyễn Thị	Ngân		02/12/1996	Nghệ An	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	39/60	39	-	39	
24	VH168	Ngô Thị Hồng	Ngọc		10/02/2000	Tây Ninh	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	46/60	50,5	-	50,5	
25	VH169	Phạm Y Kim	Oanh		20/3/2000	Quảng Ngãi	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế		Dân tộc Xê đăng	Lĩnh vực pháp chế	38/60	27	5	32	
26	VH170	Tạ Thị	Oanh		03/11/1999	Phú Thọ	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	49/60	Bỏ thi	-		
27	VH171	Nguyễn Thị	Phúc		28/6/1999	Hà Tĩnh	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	42/60	30	-	30	
28	VH172	Nguyễn Văn	Quang	28/02/2002		Hưng Yên	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	46/60	25,5	-	25,5	
29	VH173	Bùi Diệu	Quyên		15/9/2003	Hưng Yên	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	37/60	51,5	-	51,5	
30	VH174	Khắc Thị Huyền	Trang		15/11/1999	Quảng Trị	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế			Lĩnh vực pháp chế	31/60	37	-	37	
31	VH175	Bùi Quốc	Trung	14/11/1999		Hưng Yên	Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực xuất bản, in và phát hành), Phòng Thanh tra, pháp chế		Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Lĩnh vực pháp chế	31/60	36	2,5	38,5	
CỤC THÔNG TIN CƠ SỞ VÀ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI:															
I	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng điều phối thông tin đối ngoại: 01 chỉ tiêu														
1	VH348	Bùi Thị Vân	Anh		25/11/2003	Phú Thọ	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	49/60	23	-	23	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	VH350	Đỗ Hoàng	Anh		29/12/1998	Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	48/60	29	-	29	
3	VH351	Đinh Nguyễn Quỳnh	Châu		19/10/2002	Nghệ An	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	43/60	22	-	22	
4	VH352	Đỗ Mạnh	Dũng	09/3/2003		Hải Phòng	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	31/60	Bỏ thi	-		
5	VH353	Nguyễn Phạm Văn	Giang		22/11/2003	Hưng Yên	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	33/60	19	-	19	
6	VH354	Phạm Minh Tâm	Hữu	15/10/2001		Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	35/60	10	-	10	
7	VH355	Hoàng Thị Hoài	Linh		15/9/2001	Hải Phòng	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	33/60	21	-	21	
8	VH356	Trần Mỹ	Linh		26/5/2003	Phú Thọ	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	40/60	41	-	41	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
9	VH357	Hoàng Văn	Long	30/11/2003		Thanh Hóa	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	41/60	20	-	20	
10	VH358	Đỗ Nhật	Minh	05/02/2003		Hải Phòng	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	34/60	56	-	56	Điểm môn thi NVCN sau chấm phúc khảo
11	VH359	Lê Thị Tuệ	Minh		27/7/2003	Hà Tĩnh	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	35/60	24	-	24	
12	VH360	Trần Minh	Ngọc		05/9/2000	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	48/60	19	-	19	
13	VH361	Lê Mạnh	Quốc	11/01/1999		Thanh Hóa	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	45/60	28	-	28	
14	VH362	Nguyễn Đình Hào	Thiên	01/5/2003		Quảng Ngãi	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	38/60	23	-	23	
15	VH363	Lê Hạnh	Thuần		21/02/2003	Thành phố Huế	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	38/60	20	-	20	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
16	VH364	Trần Hà	Trang		28/7/2000	Phú Thọ	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	37/60	22	-	22	
17	VH365	Vũ Hồng	Vân		29/6/2003	Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	45/60	46	-	46	
18	VH366	Thạch Thị Khánh	Vy		03/12/2001	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	47/60	35	-	35	
19	VH367	Nguyễn Hải	Yến		21/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Quản lý hồ sơ thông tin sai lệch hình ảnh Việt Nam và các tỉnh thành, thành phố), Phòng Điều phối thông tin đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	37/60	8	-	8	
II Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Báo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại: 01 chỉ tiêu															
1	VH368	Trần Văn	Doanh	08/5/1995		Thanh Hóa	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Báo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	43/60	32	-	32	
2	VH369	Nguyễn Khánh	Duy	28/6/2003		Hải Phòng	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Báo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	42/60	13,5	-	13,5	
3	VH370	Đinh Thị Châu	Giang		17/10/2002	Phú Thọ	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Báo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại		Dân tộc Mường	Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	33/60	26	5	31	
4	VH371	Nguyễn Thị Thu	Hà		20/12/2003	Hưng Yên	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Báo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	47/60	18	-	18	
5	VH372	Nguyễn Ngọc	Hà	20/4/1995		Nghệ An	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Báo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	35/60	30	-	30	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
6	VH373	Nguyễn Thu	Hà		09/8/2000	Phú Thọ	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Bảo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	34/60	18	-	18	
7	VH374	Đổng Thị Ngọc	Hiền		28/02/2003	Lạng Sơn	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Bảo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại		Dân tộc Tày	Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	37/60	19	5	24	
8	VH375	Phạm Nguyễn Như	Hoàn		25/10/2003	Lào Cai	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Bảo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	37/60	9	-	9	
9	VH376	Đặng Gia	Khánh	24/11/2003		Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Bảo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	39/60	15	-	15	
10	VH377	Trần Thị Ngọc	Kiên		23/12/1985	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Bảo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	38/60	29	-	29	
11	VH379	Nguyễn Khánh	Linh		16/12/1997	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Bảo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	44/60	32	-	32	
12	VH380	Lê Phương	Linh		09/11/2003	Hưng Yên	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Bảo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	34/60	13	-	13	
13	VH381	Trần Mai	Linh		09/9/2002	Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Bảo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	37/60	23	-	23	
14	VH382	Nguyễn Hà Phương	Linh		09/12/1997	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Bảo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	31/60	7	-	7	
15	VH383	Nguyễn Trúc	Mai		28/02/2002	Quảng Trị	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Bảo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	43/60	36	-	36	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
16	VH384	Phạm Công	Nguyên	02/3/1994		Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Bảo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại		Hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân	Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	33/60	7	2.5	9,5	
17	VH385	Lê Hiếu	Nhiên		10/12/2003	Quảng Trị	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Bảo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	36/60	16	-	16	
18	VH386	Nguyễn Thị	Phương		23/6/1999	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Bảo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	40/60	22	-	22	
19	VH387	Nguyễn Hoa	Trà		07/4/1997	Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Bảo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại			Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	31/60	23	-	23	
20	VH388	Nguyễn Trọng	Thành	24/6/2001		Hà Tĩnh	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Bảo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại		Con đẻ của Bệnh binh tỉ lệ MSLD 71%	Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	40/60	18	5	23	
21	VH389	Đỗ Thị	Thảo		31/01/2001	Lào Cai	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại (Bảo chí truyền thông), Phòng Truyền thông đối ngoại		Dân tộc Tày	Lĩnh vực quản lý thông tin đối ngoại	46/60	50	5	55	Điểm môn thi NVCN sau chấm phúc khảo
III	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở: 01 chỉ tiêu														
1	VH176	Trịnh Hải	Anh		18/10/1999	Hưng Yên	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	52/60	15	-	15	
2	VH178	Nguyễn Văn	Anh	10/4/2001		Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	31/60	30	-	30	
3	VH179	Trịnh Thị Tú	Anh		24/8/1998	Thái Nguyên	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở		Dân tộc Tày	Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	38/60	30	5	35	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	VH180	Lê Phương	Anh		02/10/2003	Phú Thọ	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	31/60	65	-	65	
5	VH181	Lò Văn	Chính	15/5/1998		Sơn La	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở		Dân tộc Thái	Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	42/60	30	5	35	
6	VH182	Dương Hoàng	Chung		28/02/1987	Thái Nguyên	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở		Con đẻ người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hóa học	Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	42/60	35	5	40	
7	VH183	Nông Thị	Cơ		17/3/1993	Lạng Sơn	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở		Dân tộc Nùng	Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	40/60	70	5	75	
8	VH184	Nguyễn Hữu	Điền	25/10/2001		Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	32/60	30	-	30	
9	VH185	Lưu Thị	Địu		29/6/1997	Bắc Ninh	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	37/60	55	-	55	
10	VH186	Mai	Giang	26/5/1995		Đà Nẵng	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở		Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	31/60	20	2,5	22,5	
11	VH187	Đỗ Tiến	Hiệp	18/4/1998		Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	39/60	35	-	35	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
12	VH188	Hà Quang	Hùng	27/12/1998		Phú Thọ	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở		Dân tộc Mường	Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	37/60	45	5	50	
13	VH189	Ma Thu	Hương		21/11/1996	Thái Nguyên	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở		Dân tộc Tày	Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	31/60	55	5	60	
14	VH190	Phan Thị Thu	Hương		09/6/2003	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	38/60	15	-	15	
15	VH191	Lăng Thị Thu	Hương		26/3/1996	Cao Bằng	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở		Dân tộc Nùng	Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	45/60	60	5	65	
16	VH192	Đặng Tuấn	Kiệt	10/9/2003		Hải Phòng	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	42/60	25	-	25	
17	VH193	Trần Kim	Nguyệt		01/02/2001	Quảng Ngãi	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	36/60	45	-	45	
18	VH194	Nguyễn Minh	Phương		27/10/2003	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	46/60	30	-	30	
19	VH195	Phạm Thục	Quyên		19/9/2003	Hải Phòng	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	50/60	65	-	65	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
20	VH196	Nguyễn Thị Thanh	Thúy		14/8/2003	Bắc Ninh	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở		Dân tộc Nùng	Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	50/60	60	5	65	
21	VH197	Đặng Thu	Thùy		16/11/1995	Hải Phòng	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	41/60	75	-	75	
22	VH198	Lê Vương	Trung	28/10/2002		Hà Tĩnh	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	32/60	45	-	45	
23	VH199	Tạ Hữu	Tuấn	19/9/1998		Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	40/60	60	-	60	
24	VH200	Hoàng Hữu	Vượng	24/9/2002		Hải Phòng	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng thể chế, chính sách và quản lý hoạt động tuyên truyền viên cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	42/60	30	-	30	Đã trừ 50% tổng số điểm môn thi NVCN
IV	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở Trung ương; nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, an toàn thông tin trong lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở: 01 chỉ tiêu														
1	VH202	Hoàng Thanh	Tùng	12/9/1992		Hải Phòng	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở Trung ương; nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, an toàn thông tin trong lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	36/60	35	-	35	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	VH203	Nguyễn	Duy	15/5/2001		Quảng Ngãi	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở Trung ương; nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, an toàn thông tin trong lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	37/60	55	-	55	
V	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở; 01 chỉ tiêu														
1	VH204	Nguyễn Văn	Anh		14/12/2002	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	46/60	65	-	65	
2	VH205	Nguyễn Vũ Quỳnh	Anh		20/4/2003	Hưng Yên	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	38/60	55	-	55	
3	VH206	Phạm Phương	Anh		10/9/2001	Hưng Yên	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	35/60	30	-	30	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	VH207	Nguyễn Đình	Đại	09/12/1995		Hưng Yên	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	32/60	20	-	20	
5	VH208	Nguyễn Duy	Đạt	17/9/2000		Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở		Đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân	Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	33/60	Bỏ thi	-		
6	VH209	Hoàng Việt	Dương	30/7/2001		Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	35/60	5	-	5	
7	VH210	Đỗ Trần Ánh	Dương		16/10/2003	Hưng Yên	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	30/60	15	-	15	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
8	VH211	Lê Thị Phương	Hà		29/7/1999	Thanh Hóa	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở		Con thương binh 4/4: 28%	Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	43/60	55	5	60	
9	VH212	Ngô Mai	Hạnh		10/8/2001	Bắc Ninh	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	43/60	50	-	50	
10	VH213	Nông Thị	Hiền		26/3/1998	Bắc Ninh	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở		Dân tộc Nùng	Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	45/60	40	5	45	
11	VH214	Doanh Thu	Hiền		02/3/2001	Thái Nguyên	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở		Dân tộc Tày	Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	39/60	40	5	45	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
12	VH215	Nguyễn Khánh	Linh		10/6/1996	Nghệ An	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	39/60	65	-	65	Điểm môn thi NVCN sau chấm phúc khảo
13	VH216	Phạm Thùy	Linh		26/12/2003	Hải Phòng	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	30/60	Bỏ thi	-		
14	VH217	Nguyễn Văn Thành	Long	19/02/2000		Bắc Ninh	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	45/60	75	-	75	
15	VH218	Lê Hoàng Thanh	Mai		22/7/2002	Quảng Trị	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	34/60	45	-	45	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
16	VH220	Nguyễn Hồng	Minh		20/12/2001	Phú Thọ	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	35/60	25	-	25	
17	VH221	Nguyễn Bá	Minh	22/01/1981		Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	49/60	40		40	
18	VH222	Lê Minh	Ngọc		08/12/2000	Hải Phòng	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	38/60	35	-	35	
19	VH223	Dương Thị Kim	Oanh		25/11/2002	Hà Tĩnh	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	39/60	2,5	-	2,5	Đã trừ 50% tổng số điểm môn thi NVCN

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
20	VH224	Đào Trần Việt	Son	13/8/2002		Thanh Hóa	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	32/60	Bỏ thi	-		
21	VH225	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh		08/9/2001	Lạng Sơn	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	35/60	25	-	25	
22	VH226	Bùi Hoàng	Thu		23/10/2002	Hưng Yên	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	34/60	45	-	45	
23	VH227	Đào Thanh	Thúy		28/11/1998	Ninh Bình	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	37/60	60	-	60	Điểm môn thi NVCN sau chấm phúc khảo

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
24	VH228	Nguyễn Đức	Tùng	02/4/1991		Tuyên Quang	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	35/60	50	-	50	
25	VH229	Hoàng Thị Thu	Uyên		05/7/2000	Hưng Yên	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	47/60	70	-	70	
26	VH230	Luân Thị Thu	Uyên		08/9/2000	Thái Nguyên	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở		Dân tộc Nùng	Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	37/60	70	5	75	
27	VH231	Bùi Ái	Vy		27/3/2003	Hà Nội	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	35/60	20	-	20	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Chứng chỉ bồi dưỡng (nếu có)	Đối tượng ưu tiên	Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Kết quả Vòng 1	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ							Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
28	VH232	Lưu Long	Vũ	29/6/2003		Phú Thọ	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở (tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở), Phòng Thông tin cơ sở			Lĩnh vực quản lý thông tin cơ sở	32/60	15	-	15	
VI Chuyên viên tổng hợp, Văn phòng: 01 chỉ tiêu															
1	VH337	Đoàn Kim	Chi		29/9/2003	Thái Nguyên	Chuyên viên về tổng hợp, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	30/60	15	-	15	
2	VH338	Vũ Xuân	Kỳ	16/7/2002		Hải Phòng	Chuyên viên về tổng hợp, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	40/60	6,5	-	6,5	Đã trừ 50% tổng số điểm môn thi NVCN
3	VH339	Trần Thị	Liên		16/7/2003	Hà Nội	Chuyên viên về tổng hợp, Văn phòng		Dân tộc Mường	Lĩnh vực văn phòng	39/60	15	5	20	
VII Văn thư viên, Văn phòng: 01 chỉ tiêu															
1	VH341	Nguyễn Quỳnh	An		20/8/2000	Nghệ An	Văn thư viên, Văn phòng			Lĩnh vực văn phòng	41/60	36	-	36	
2	VH342	Nguyễn Thị	Hà		26/5/1995	Hà Tĩnh	Văn thư viên, Văn phòng	Chứng chỉ nghiệp vụ Văn Thư - Lưu trữ		Lĩnh vực văn phòng	34/60	21	-	21	
3	VH343	Phạm Xuân	Hòa	20/12/1992		Ninh Bình	Văn thư viên, Văn phòng	Chứng chỉ nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ		Lĩnh vực văn phòng	35/60	40	-	40	
4	VH344	Mạc Huệ	Liên		02/10/1999	Cao Bằng	Văn thư viên, Văn phòng	Chứng chỉ nghiệp vụ Văn Thư - Lưu trữ	Dân tộc Tày	Lĩnh vực văn phòng	35/60	32	5	37	
5	VH346	Lê Xuân	Trình	25/11/1995		Hưng Yên	Văn thư viên, Văn phòng	Chứng chỉ nghiệp vụ Văn Thư - Lưu trữ		Lĩnh vực văn phòng	37/60	35	-	35	Điểm môn thi NVCN sau chấm phúc khảo
6	VH347	Lê Thị Thùy	Vân		22/8/1996	Phú Thọ	Văn thư viên, Văn phòng	Chứng chỉ Nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ		Lĩnh vực văn phòng	31/60	Bỏ thi	-		